



CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Tháng 10 năm 2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 42

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Xuân Tùng	Chủ tịch	
Ông Trịnh Thanh Giảng	Phó chủ tịch	
Bà Trần Mỹ Linh	Thành viên	
Ông Lê Trí Dũng	Thành viên	
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/6/2025
Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Phan Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Mỹ Linh	Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bé Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bảo Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Trí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/03/2025

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Đức Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/07/2025
Ông Trần Hùng Cường	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Trương Duy Phong	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/06/2025
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Bá Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Mỹ Linh - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng: ngoài thông tin trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/06/2025 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Số: 1169/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/10/2025, từ trang 7 đến trang 42 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 15/2025/BBHĐQT-VMD ngày 20/09/2025 của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex yêu cầu Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp cần thiết để thu hồi tổn thất cho Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex với tổng số tiền 131.797.789.132 đồng bao gồm: tổn thất dòng tiền cho thuê văn phòng tòa nhà 246 Công Quỳnh và 45 Võ Thị Sáu từ năm 2021 đến năm 2024 số tiền 48.139.850.632 đồng; doanh thu phí phân phối dược phẩm của Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương ghi nhận thiếu doanh thu từ năm 2021 đến năm 2024 số tiền 83.657.938.500 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này chưa có kết quả của các giải pháp xử lý tổn thất theo biên bản họp Hội đồng quản trị nêu trên của Công ty, do đó chúng tôi chưa đánh giá được các điều chỉnh cần thiết có ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Ngày 26/6/2025, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex đã ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-VMD về việc thu hồi 2.284.950 cổ phiếu VMD, tương ứng với 14,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex và hủy bỏ tư cách cổ đông của các cá nhân Bà Nguyễn Ngọc Dung, Bà Trần Thị Đoàn Trang, Ông Trần Kiên Cường kể từ ngày 01/01/2025 và xác nhận tư cách cổ đông cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex nắm giữ 2.284.950 cổ phiếu VMD, tương ứng 14,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex kể từ ngày 01/01/2025.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Hội đồng quản trị Công ty CP Y Dược phẩm Vimedimex (Công ty VMD) yêu cầu Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp hỗ trợ thu hồi tổn thất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex (Công ty VMG) - đơn vị liên quan của Công ty bao gồm chuyển tiền của Công ty VMG vòng qua Công ty VMD sau đó rút tiền mặt, chuyển khoản đi số tiền 343.738.865.391 đồng (từ ngày 15/04/2021 đến 30/01/2023) và khoản Công ty VMD phải thu bà Nguyễn Ngọc Dung số tiền 193 tỷ đồng rút tiền mặt trong năm 2022 nhưng chưa hoàn lại (Biên bản họp Hội đồng quản trị số 136/2024/BB-VMG ngày 31/12/2024 của Công ty VMG đã thông qua việc Hội đồng quản trị Công ty VMG sẽ chịu trách nhiệm thu hồi khoản công nợ phải thu khó đòi số tiền 193 tỷ đồng liên quan đến Bà Nguyễn Ngọc Dung thay cho Công ty VMD. Đồng thời, Công ty VMD sẽ không còn nghĩa vụ phải trả khoản công nợ 193 tỷ đồng cho Công ty VMG).
- Một số cá nhân giữ vị trí lãnh đạo điều hành Công ty VMG và Công ty VMD đã thực hiện điều chuyển dòng tiền vào và dòng tiền ra số tiền 252.353.295.174 đồng và chỉ đạo ông Nguyễn Tiến Mạnh rút tiền 76.978.900.000 đồng dẫn đến tổn thất số tiền 328.400.200.202 đồng của Công ty VMG kể từ ngày 19/04/2021 đến 24/10/2024.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Công ty đã hợp tác với các nhà đầu tư để xây dựng Tòa nhà Citilight tại 45 Võ Thị Sáu, Quận 1 (cũ), TP. Hồ Chí Minh. Sau khi hoàn thành, Công ty thực hiện chia diện tích cho các nhà đầu tư theo diện tích quy định trên hợp đồng hợp tác kinh doanh. Ngày 24/02/2020, Công ty đã ban hành Công văn số 1421/2020/CV-VMD về việc thông tin chính thống trên các Cơ quan thông tấn Báo chí liên quan đến Tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu. Theo đó, Công ty đã tạm dừng các hoạt động liên quan đến việc thanh toán tiền thuê diện tích thương mại tại Tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu cũng như các hoạt động khác có liên quan phát sinh từ quá trình góp vốn xây dựng Tòa nhà để rà soát lại toàn bộ hoạt động góp vốn, thanh quyết toán tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu, phân chia diện tích, quản lý khai thác tòa nhà Citilight, phân chia lợi nhuận,... Công ty và các Nhà đầu tư đang trong quá trình làm việc để thống nhất các nội dung nêu trên. Theo đó, sự kiện này có thể phát sinh lợi ích kinh tế và/hoặc nghĩa vụ nợ cho Công ty trong tương lai.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 tại Báo cáo soát xét số 0208.2/2024/BCSX/IAV ngày 29/08/2024 và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 tại Báo cáo kiểm toán số 0208.2/2024/BCTC/IAV ngày 31/03/2025.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		921.876.569.442	976.302.697.513
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	124.646.234.063	301.121.593.123
Tiền	111		102.346.234.063	116.921.593.123
Các khoản tương đương tiền	112		22.300.000.000	184.200.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	15	242.580.457.820	33.960.457.820
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		242.580.457.820	33.960.457.820
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		446.278.952.470	524.739.618.892
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	345.695.933.744	404.257.621.340
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	14.617.856.577	17.931.947.382
Các khoản phải thu khác	136	9	187.123.856.862	206.275.405.076
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 8, 9	(101.190.880.688)	(103.757.540.881)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		32.185.975	32.185.975
Hàng tồn kho	140	10	78.747.297.664	84.863.827.274
Hàng tồn kho	141		83.449.326.551	89.806.109.642
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.702.028.887)	(4.942.282.368)
Tài sản ngắn hạn khác	150		29.623.627.425	31.617.200.404
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	259.585.457	1.705.968.364
Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.349.948.734	29.897.138.806
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	14.093.234	14.093.234
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.137.904.990	221.152.127.047
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.824.576.965	6.156.226.965
Phải thu dài hạn khác	216	9	5.824.576.965	6.156.226.965
Tài sản cố định	220		101.214.851.445	108.703.732.854
Tài sản cố định hữu hình	221	11	72.089.085.839	76.876.286.555
- Nguyên giá	222		202.769.249.611	202.032.403.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.680.163.772)	(125.156.116.795)
Tài sản cố định vô hình	227	12	29.125.765.606	31.827.446.299
- Nguyên giá	228		45.801.634.957	45.801.634.957
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.675.869.351)	(13.974.188.658)
Bất động sản đầu tư	230	13	59.276.308.205	60.742.297.625
- Nguyên giá	231		103.327.212.088	103.327.212.088
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(44.050.903.883)	(42.584.914.463)
Tài sản dở dang dài hạn	240		34.658.221.377	33.904.886.333
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	34.658.221.377	33.904.886.333
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	8.991.256.348	8.991.256.348
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18.730.978.694	18.730.978.694
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.799.722.346)	(10.799.722.346)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.060.000.000	1.060.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.172.690.650	2.653.726.922
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	1.172.690.650	2.653.726.922
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.133.014.474.432	1.197.454.824.560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		707.397.414.564	780.800.416.359
Nợ ngắn hạn	310		688.650.623.897	762.330.823.967
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	520.162.827.032	598.383.232.938
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	25.864.011.437	9.760.266.298
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	2.515.340.805	5.930.793.460
Phải trả người lao động	314		2.447.902.291	2.595.694.676
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	939.918.883	2.132.025.476
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	131.636.012.303	138.444.199.973
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.084.611.146	5.084.611.146
Nợ dài hạn	330		18.746.790.667	18.469.592.392
Phải trả dài hạn khác	337	19	18.746.790.667	18.469.592.392
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		425.617.059.868	416.654.408.201
Vốn chủ sở hữu	410	21	423.693.599.928	414.730.948.261
Vốn góp của chủ sở hữu	411		154.402.680.000	154.402.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		154.402.680.000	154.402.680.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		114.168.390.910	114.168.390.910
Quỹ đầu tư phát triển	418		33.732.320.126	33.732.320.126
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		7.338.446.765	7.338.446.765
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.610.161.856	25.685.434.763
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		25.685.434.763	1.938.945.480
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.924.727.093	23.746.489.283
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		78.441.600.271	79.403.675.697
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.923.459.940	1.923.459.940
Nguồn kinh phí	431		1.923.459.940	1.923.459.940
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.133.014.474.432	1.197.454.824.560

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025


Trần Thị Thanh Bình
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Dung
Kế toán trưởng


Trần Mỹ Linh
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	544.218.089.972	613.894.954.672
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	7.450.304.812	622.629.178
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		536.767.785.160	613.272.325.494
Giá vốn hàng bán	11	25	491.085.057.781	556.477.558.259
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.682.727.379	56.794.767.235
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	5.524.033.033	3.217.510.841
Chi phí tài chính	22	27	3.095.733.665	6.386.953.590
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2.281.941.510
Chi phí bán hàng	25	28	36.015.675.230	37.557.200.119
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	10.561.744.881	9.019.763.800
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.533.606.636	7.048.360.567
Thu nhập khác	31		10.387.052.514	5.880.965
Chi phí khác	32	29	294.601.096	69.634.003
Lợi nhuận khác	40		10.092.451.418	(63.753.038)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.626.058.054	6.984.607.529
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	2.663.406.387	1.919.934.404
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.962.651.667	5.064.673.125
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		9.924.727.093	5.271.412.072
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(962.075.426)	(206.738.947)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	643	341
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	643	341

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Trần Thị Thanh Bình
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Dung
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		11.626.058.054	6.984.607.529
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.691.717.090	9.672.044.808
Các khoản dự phòng	03		(2.806.913.674)	(1.174.802.843)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.264.006.764	36.955.253
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(5.507.774.180)	(3.208.630.736)
Chi phí lãi vay	06		-	2.281.941.510
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.267.094.054	14.592.115.521
Tăng giảm các khoản phải thu	09		84.931.697.861	249.952.200.976
Tăng giảm hàng tồn kho	10		6.356.783.091	72.277.866.754
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(73.307.910.629)	(390.791.783.558)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.958.919.179	3.414.551.154
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(2.281.941.510)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.335.835.096)	(4.567.812.132)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.870.748.460	(57.404.802.795)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.490.181.305)	(6.568.556.187)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(208.620.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	7.650.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.764.073.785	3.878.412.742
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(207.346.107.520)	4.959.856.555
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		-	293.500.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(203.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	90.500.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(176.475.359.060)	38.055.053.760
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	301.121.593.123	209.806.173.673
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	124.646.234.063	247.861.227.433

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025


Trần Thị Thanh Bình
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Dung
Kế toán trưởng


Trần Mỹ Linh
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp số 0300479760 do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 27/03/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 8 Tòa nhà Vimedimex Group, số 46-48 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 154.402.680.000 VND (Một trăm năm mươi tư tỷ bốn trăm linh hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 15.440.268 cổ phần, mệnh giá 01 (một) cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 31 người (tại ngày 01/01/2025 là 33 người).

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là :

- Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê cao ốc văn phòng, kho vận.

1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có các Công ty con sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dược phẩm Vimedimex	Hồ Chí Minh	100%	100%	Bán buôn sản phẩm thuốc, tân dược, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế, mỹ phẩm, hàng tiêu dùng cho mẹ và bé
Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	Bình Dương	100%	100%	Bán buôn sản phẩm thuốc, tân dược, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế, mỹ phẩm, hàng tiêu dùng cho mẹ và bé
Công ty TNHH - Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex	Hà Nội	55,6%	55,6%	Bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc, hợp tác kinh doanh, khám chữa bệnh
Công ty TNHH MTV Dược liệu Vimedimex (*)	Đà Lạt	100%	100%	Trồng dược liệu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

(*): Ngày 14/05/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định giải thể Công ty TNHH MTV Dược liệu Vimedimex theo biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty mẹ số 45-1/BB-VMD. Đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này, Công ty con này đang thực hiện các thủ tục giải thể theo quy định của Pháp luật. Báo cáo tài chính của Công ty con này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty. Do tổng tài sản của công ty con tại ngày 31/12/2025 là 586 triệu đồng nên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc chưa xác định giá trị hợp lý của Công ty con này khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty không ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin tài chính của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

3.2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trên vốn chủ sở hữu.

3.3. HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

4.1. CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024.

4.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.
- Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí sửa chữa hoàn thiện văn phòng và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

4.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
- Vườn cây lâu năm	06
- Tài sản cố định khác	04 - 25

4.8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

4.9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của bất động sản đầu tư cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	24 - 25
- Quyền sử dụng đất	50

4.10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác: là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nếu Công ty đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11. NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư, trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13. DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13. DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, ...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.16. THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.17. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Tiền mặt	3.058.141.861	306.441
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	99.288.092.202	116.921.286.682
- Các khoản tương đương tiền (*)	22.300.000.000	184.200.000.000
	124.646.234.063	301.121.593.123

(*): là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	259.585.457	1.705.968.364
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.762.197	59.902.541
- Chi phí sửa chữa tài sản	27.383.083	154.196.882
- Chi phí trả trước khác	230.440.177	1.491.868.941
Dài hạn	1.172.690.650	2.653.726.922
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	144.225.661
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	349.521.058	650.224.517
- Chi phí in ấn, marketing	7.551.852	133.622.547
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	664.342.315	1.527.737.469
- Chi phí trả trước khác	151.275.425	197.916.728
	1.432.276.107	4.359.695.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội	18.007.963.950	-	16.376.633.489	-
- Bệnh viện Chợ Rẫy	8.062.462.317	-	8.128.695.457	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Phát Như Quân	30.682.293.032	(30.682.293.032)	30.682.293.032	(30.682.293.032)
- Công ty Cổ phần BV Pharma	25.625.540.221	-	25.542.126.659	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Thy Thư	8.962.462.619	-	28.121.999.397	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Việt Nam	18.574.103.597	(18.574.103.597)	18.574.103.597	(18.574.103.597)
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Ngọc Linh Trang	16.776.318.532	(16.630.107.729)	16.776.318.532	(16.630.107.729)
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinpharco	13.637.924.769	(13.023.567.825)	13.637.924.769	(13.023.567.825)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	205.366.864.707	(18.182.308.176)	246.417.526.408	(18.182.308.176)
	345.695.933.744	(97.092.380.359)	404.257.621.340	(97.092.380.359)
	15.198.735.205		23.869.576.748	

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 34)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Kỹ thương Minh Long	2.056.000.000	-	2.056.000.000	-
- I-CODI CO., Ltd	1.348.779.000	-	1.348.779.000	-
- Các đối tượng khác	11.213.077.577	(1.049.311.373)	14.527.168.382	(1.049.311.373)
	14.617.856.577	(1.049.311.373)	17.931.947.382	(1.049.311.373)

CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Tầng 8 Tòa nhà Vimedimex Group, số 46 - 48 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	187.123.856.862	(3.049.188.956)	206.275.405.076	(3.049.188.956)
- Phải thu tạm ứng CBCNV	2.802.548.182	(2.034.741.112)	2.810.488.794	(2.034.741.112)
- Phải thu Công ty CP BV Pharma (1)	141.525.565.187	-	141.525.565.187	-
- Bệnh viện phổi trung ương (2)	3.296.735.878	-	27.966.869.638	-
- Công ty CP Dược phẩm Vimedimex 2 (3)	28.261.238.655	-	28.261.238.655	-
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dược phẩm Vimedimex (4)	2.500.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	8.737.768.960	(1.014.447.844)	5.711.242.802	(1.014.447.844)
Dài hạn	5.824.576.965	-	6.156.226.965	-
- Ký cược ký quỹ	5.724.576.965	-	6.156.226.965	-
- Phải thu khác	100.000.000	-	-	-
	192.948.433.827	(3.049.188.956)	212.431.632.041	(3.049.188.956)
Phải thu khác là bên liên quan	30.761.238.655		28.261.238.655	

(Chi tiết tại thuyết minh số 34)

(1) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 07/2023/BB-VMD ngày 13/03/2023 của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex về việc xử lý công nợ của Công ty Cổ phần BV Pharma: tạm giữ phần diện tích (486,46m²) theo suất đầu tư của nhóm nhà đầu tư là Công ty Cổ phần BV Pharma và người thân của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần BV Pharma là ông Nguyễn Tiến Hùng chưa nộp góp đủ vốn tại tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu, Quận 1 (cũ) thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi Công ty Cổ phần BV Pharma thanh toán hết các khoản công nợ với Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex.

(2) Khoản phải thu liên quan đến hai dự án hợp tác kinh doanh với Bệnh viện Phổi Trung Ương, bao gồm:

- Hợp đồng Liên doanh số 242/HĐLD/2013 ngày 17/04/2013 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2014 năm 2014 về việc thành lập Trung tâm xạ trị ung thư công nghệ cao để thực hiện chuẩn đoán và điều trị cho người bệnh.
- Hợp đồng Liên doanh – Liên kết số 242/HĐLDK/2015 ký ngày 24 tháng 12 năm 2015 về việc xây dựng và vận hành “Trung tâm điều trị theo yêu cầu công nghệ cao tại Bệnh viện Phổi Trung ương” nhằm cung cấp các dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ điều trị theo yêu cầu, chất lượng phù hợp với khả năng chi trả của người bệnh.

Công ty và Bệnh viện Phổi Trung ương thống nhất phân chia kết quả kinh doanh hai dự án trên bằng lợi nhuận sau khi khấu trừ 2% thuế Thu nhập doanh nghiệp và chi phí chung. Thời gian thực hiện dự án là 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Tầng 8 Tòa nhà Vimedimex Group, số 46 - 48 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(3) Khoản phải thu liên quan đến kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh sản giao dịch thương mại điện tử CEVPharma năm 2023 với Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex 2 do toàn bộ kết quả kinh doanh năm 2023 được ghi nhận tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex 2.

(4) Khoản phải thu tiền thanh toán cho cổ đông từ nguồn thu góp vốn đầu tư Trung tâm khám chữa bệnh công nghệ cao tại Bệnh viện Phổi Trung Ương.

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	306.180.786	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	97.112.500	(97.112.500)	97.112.500	(97.112.500)
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	179.533.349	(179.533.245)	179.533.349	(179.533.245)
- Hàng hoá	82.866.499.916	(4.425.383.142)	89.529.463.793	(4.665.636.623)
	83.449.326.551	(4.702.028.887)	89.806.109.642	(4.942.282.368)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUỒN GIÁ							
01/01/2025	78.940.672.640	83.333.915.310	20.778.180.707	15.921.323.123	152.810.137	2.905.501.433	202.032.403.350
- Mua trong kỳ	583.234.261	-	-	185.112.000	-	-	768.346.261
- Giảm khác	-	-	-	(31.500.000)	-	-	(31.500.000)
30/06/2025	79.523.906.901	83.333.915.310	20.778.180.707	16.074.935.123	152.810.137	2.905.501.433	202.769.249.611
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
01/01/2025	29.425.619.705	66.561.266.209	10.963.576.229	15.206.702.998	152.810.137	2.846.141.517	125.156.116.795
- Khấu hao trong kỳ	1.343.972.264	2.704.058.444	994.758.865	471.970.958	-	9.286.446	5.524.046.977
30/06/2025	30.769.591.969	69.265.324.653	11.958.335.094	15.678.673.956	152.810.137	2.855.427.963	130.680.163.772
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
01/01/2025	49.515.052.935	16.772.649.101	9.814.604.478	714.620.125	-	59.359.916	76.876.286.555
30/06/2025	48.754.314.932	14.068.590.657	8.819.845.613	396.261.167	-	50.073.470	72.089.085.839

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 63.251.577.565 VND (tại ngày 01/01/2025 là 57.575.018.013 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền VND	Tổng cộng VND
NGUỒN GIÁ 01/01/2025	21.846.822.855	19.194.812.102	4.760.000.000	45.801.634.957
	21.846.822.855	19.194.812.102	4.760.000.000	45.801.634.957
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ 01/01/2025	5.710.302.342	6.743.330.753	1.520.555.563	13.974.188.658
	238.960.239	1.669.387.120	793.333.334	2.701.680.693
- Hao mòn trong kỳ				
30/06/2025	5.949.262.581	8.412.717.873	2.313.888.897	16.675.869.351
GIÁ TRỊ CÒN LẠI 01/01/2025	16.136.520.513	12.451.481.349	3.239.444.437	31.827.446.299
	15.897.560.274	10.782.094.229	2.446.111.103	29.125.765.606
30/06/2025				

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 2.898.859.830 VND (tại ngày 01/01/2025 là 2.817.083.830 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	59.568.178.831	43.759.033.257	103.327.212.088
30/06/2025	59.568.178.831	43.759.033.257	103.327.212.088
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2025	16.155.560.193	26.429.354.270	42.584.914.463
- Khấu hao trong kỳ	658.211.920	807.777.500	1.465.989.420
30/06/2025	16.813.772.113	27.237.131.770	44.050.903.883
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	43.412.618.638	17.329.678.987	60.742.297.625
30/06/2025	42.754.406.718	16.521.901.487	59.276.308.205

Bất động sản đầu tư là một phần tòa nhà và quyền sử dụng đất tại số 246 Công Quỳnh, Quận 1 (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh và tòa nhà tại số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1 (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh đang được sử dụng để cho thuê.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Mua sắm Tài sản cố định	1.981.270.000	1.981.270.000
- Phát triển phần mềm hệ thống ERP	1.060.000.000	1.060.000.000
- Chi phí phát triển hệ thống quốc tế vận tải và kho trên sàn CEVPharma	507.150.000	507.150.000
- Chi phí xây dựng phát triển phần mềm hệ thống quản trị nhân viên bán hàng	414.120.000	414.120.000
Xây dựng cơ bản	32.676.951.377	31.923.616.333
- Dự án 18 Hoàng Văn Thụ, Đà Lạt (*)	27.637.379.453	26.884.044.409
- Dự án Văn phòng giao dịch tại TP. Cần Thơ	4.604.803.168	4.604.803.168
- Dự án khác	434.768.756	434.768.756
	34.658.221.377	33.904.886.333

(*): Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu Tây Nguyên tại số 18 Hoàng Văn Thụ, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (nay là số 18 Hoàng Văn Thụ, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh ký giữa Công ty và Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Thảo Nguyên ("Thảo Nguyên"). Dự án được triển khai trên diện tích 51.523,99 m² với mục tiêu bảo tồn và phát triển Dược liệu khu vực Tây Nguyên, xây dựng Công trình cơ sở lưu trú phục vụ tổ chức/cá nhân có nhu cầu đến nghiên cứu, tham quan, nghỉ dưỡng nhằm giới thiệu mô hình bảo tồn và phát triển Dược liệu, phát triển du lịch canh nông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG (TIẾP)

Theo các điều khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh thì Công ty đại diện các bên đứng tên Chủ đầu tư. Giá trị góp vốn của Công ty là toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất và góp sức với vai trò là Chủ đầu tư Dự án. Bên Thảo Nguyên góp toàn bộ số tiền cần thiết bỏ ra để lập, thực hiện Dự án. Lợi nhuận hợp tác sẽ được chia cho mỗi bên như sau: Công ty được hưởng 10% và Thảo Nguyên được hưởng 90% của lợi nhuận hợp tác.

Theo thỏa thuận giữa hai bên thì toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng dự án và các chi phí phát sinh khác trong trường hợp dự án không được sự chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hay dự án đi vào hoạt động không hiệu quả sẽ do Thảo Nguyên gánh chịu. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, dự án vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Tầng 8 Tòa nhà Vimedimex Group, số 46 - 48 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	243.640.457.820	243.640.457.820	35.020.457.820	35.020.457.820
Ngắn hạn	242.580.457.820	242.580.457.820	33.960.457.820	33.960.457.820
+ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	242.580.457.820	242.580.457.820	33.960.457.820	33.960.457.820
Dài hạn	1.060.000.000	1.060.000.000	1.060.000.000	1.060.000.000
+ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.060.000.000	1.060.000.000	1.060.000.000	1.060.000.000

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	18.730.978.694	(10.799.722.346)	18.730.978.694	(10.799.722.346)
- Công ty Cổ phần XNK - Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex)	2.185.000.000	-	2.185.000.000	-
- Công ty Cổ phần BV Pharma	10.799.722.346	(10.799.722.346)	10.799.722.346	(10.799.722.346)
- Công ty Cổ phần Dược Nature Việt Nam (*)	5.746.256.348	-	5.746.256.348	-
	18.730.978.694	(10.799.722.346)	18.730.978.694	(10.799.722.346)

(*): Ngày 15/07/2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dược Nature Việt Nam ("Dược Nature") cho Bà Mai Thùy Linh theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2019/HĐCN ngày 17/07/2019 với số lượng 570.000 cổ phần. Theo đó, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng 570.000 cổ phần Dược Nature cho Bà Mai Thùy Linh với giá trị là 5.700.000.000 VND.

Đến ngày 30/06/2025, Bà Mai Thùy Linh đã chuyển tiền thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng số tiền 4.700.000.000 VND, số tiền 1.000.000.000 VND còn lại Bà Linh chưa thanh toán. Do vậy, Công ty chưa thực hiện thêm các thủ tục chuyển nhượng cổ phần. Theo đó, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Nature Việt Nam là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Boehringer Ingelheim International	4.704.578.297	16.147.352.350
- Công ty TNHH DKSH Pharma Việt Nam	95.398.933.034	215.932.595.706
- Công ty TNHH Johnson & Johnson	-	23.979.579.504
- Pierre Farbe Vietnam Co., Ltd	133.067.293.997	97.544.342.057
- Phải trả người bán khác	286.992.021.704	244.779.363.321
	520.162.827.032	598.383.232.938
	584.125.151	675.727.636

Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 34)

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	131.636.012.303	138.444.199.973
- Kinh phí công đoàn	10.582.842.398	10.302.791.124
- Bảo hiểm xã hội	32.164.210	32.164.190
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.916.857.640	5.916.857.640
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex	88.567.745	88.567.745
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex 2 (1)	73.830.107.019	73.830.107.019
- Công ty Cổ phần BV Pharma (2)	10.799.722.346	10.799.722.346
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thảo Nguyên (3)	8.500.000.000	8.500.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Thăng Long (4)	6.000.000.000	6.000.000.000
- Bà Mai Thùy Linh (5)	4.700.000.000	4.700.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (6)	6.226.043.788	2.888.946.629
- Phải trả khác	4.959.707.157	15.385.043.280
Dài hạn	18.746.790.667	18.469.592.392
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	18.698.350.667	18.421.152.392
- Phải trả phải nộp khác	48.440.000	48.440.000
	150.382.802.970	156.913.792.365

Phải trả khác là bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 34)

- Đây là khoản tiền công ty nhận từ Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex 2 liên quan đến hoạt động hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex 2 và Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex về việc hợp tác đầu tư và vận hành sản giao dịch thương mại điện tử quốc tế CEVPharma. Trong đó, Công ty thực hiện quản lý và vận hành sản giao dịch này. Đây là hoạt động hợp tác kinh doanh đồng kiểm soát và phân chia doanh thu chi phí.
- Khoản tiền Công ty Cổ phần BV Pharma chuyển tiền nhưng hai bên chưa thống nhất nội dung công nợ được bù trừ với số tiền thanh toán này. (Xem Thuyết minh số 9).
- Khoản tiền hợp tác kinh doanh với Công ty CP Bất động sản Thảo Nguyên thực hiện dự án Trung tâm Nghiên cứu bảo tồn và phát triển Dược liệu Tây Nguyên tại số 18 đường Hoàng Văn Thụ, Đà Lạt, Lâm Đồng - nay là số 18 Hoàng Văn Thụ, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (chi tiết dự án tại Thuyết minh số 14).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP)

- (4) Khoản tiền hợp tác kinh doanh nhận từ Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Thăng Long ("Thăng Long") theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 37/HTĐT/2017 ngày 11/01/2017 về việc kinh doanh tại số 53 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Quận 5, TP Hồ Chí Minh (nay là phường An Đông, thành phố Hồ Chí Minh). Theo đó, hai bên thống nhất hợp tác đầu tư xây dựng một hệ thống tòa nhà văn phòng và căn hộ dịch vụ, phía Công ty góp vốn bằng tài sản trên đất tại thửa đất 53 Nguyễn Chí Thanh cũng như quyền và nghĩa vụ gắn liền với thửa đất, phía Thăng Long góp vốn bằng toàn bộ chi phí đầu tư nâng cấp xây dựng hệ thống tòa nhà văn phòng và căn hộ dịch vụ.
- (5) Khoản tiền nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dược Nature Việt Nam từ bà Mai Thùy Linh. Bà Mai Thùy Linh chưa thanh toán đủ giá trị hợp đồng chuyển nhượng nên chưa hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần (Xem Thuyết minh số 15).
- (6) Lợi nhuận phân chia cho Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình liên quan đến Bất động sản đầu tư là một phần của Tòa cao ốc Văn phòng Vimedimex tại số 246 Cống Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 (cũ), TP. Hồ Chí Minh. Đây là tài sản hình thành từ hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng cao ốc Văn phòng Vimedimex số 022/2009/HD-VM-HBS giữa Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình và Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Cửa hàng An Khang	3.600.177.236	3.600.177.236
- Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	17.187.282.712	1.031.998.037
- Người mua trả tiền trước khác	5.076.551.489	5.128.091.025
	25.864.011.437	9.760.266.298

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	482.779.966	482.779.966
- Chi phí kiểm toán	315.000.000	650.000.000
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	142.138.917	999.245.510
	939.918.883	2.132.025.476

CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Tầng 8 Tòa nhà Vimedimex Group, số 46 - 48 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

20.1. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.965.729	341.436.744	341.436.744	12.965.729
- Thuế thu nhập cá nhân	1.127.505	-	-	1.127.505
	14.093.234	341.436.744	341.436.744	14.093.234

20.2. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	13.769.293.419	13.769.293.419	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.883.412.749	2.321.969.643	4.994.398.352	2.210.984.040
- Thuế thu nhập cá nhân	1.036.928.646	854.500.262	1.593.757.827	297.671.081
- Thuế nhà thầu	7.068.918	87.447.680	87.830.914	6.685.684
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.960.436.404	4.960.436.404	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.383.147	167.297.332	170.680.479	-
	5.930.793.460	22.160.944.740	25.576.397.395	2.515.340.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	154.402.680.000	154.402.680.000
- Vốn góp cuối kỳ	154.402.680.000	154.402.680.000

21.2. CỔ PHIẾU

	30/06/2025	01/01/2025
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	15.440.268	15.440.268
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.440.268	15.440.268
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.440.268	15.440.268
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.440.268	15.440.268
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.440.268	15.440.268
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

21.3. CÁC QUỸ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	33.732.320.126	33.732.320.126
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.338.446.765	7.338.446.765

CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX
Tầng 8 Tòa nhà Vimedimex Group, số 46 - 48 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)													
21.4	BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU													
Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
01/01/2024	154.402.680.000		114.168.390.910		33.732.320.126		7.338.446.765		33.370.452.012		79.044.744.501		422.057.034.314	
- Lãi/lỗ trong năm	-		-		-		-		23.193.724.901		358.931.196		23.552.656.097	
- Chia cổ tức	-		-		-		-		(30.880.536.000)		-		(30.880.536.000)	
- Tăng khác	-		-		-		-		1.793.850		-		1.793.850	
31/12/2024	154.402.680.000		114.168.390.910		33.732.320.126		7.338.446.765		25.685.434.763		79.403.675.697		414.730.948.261	
01/01/2025	154.402.680.000		114.168.390.910		33.732.320.126		7.338.446.765		25.685.434.763		79.403.675.697		414.730.948.261	
- Lãi/lỗ trong kỳ	-		-		-		-		9.924.727.093		(962.075.426)		8.962.651.667	
30/06/2025	154.402.680.000		114.168.390.910		33.732.320.126		7.338.446.765		35.610.161.856		78.441.600.271		423.693.599.928	

Ngày 26/6/2025, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex đã ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-VMD về việc thu hồi 2.284.950 cổ phiếu VMD, tương ứng với 14,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex và hủy bỏ tư cách cổ đông của các cá nhân Bà Nguyễn Ngọc Dung, Bà Trần Thị Đoàn Trang, Ông Trần Kiên Cường kể từ ngày 01/01/2025 và xác nhận tư cách cổ đông cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex nắm giữ 2.284.950 cổ phiếu VMD, tương ứng 14,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex kể từ ngày 01/01/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

- Số 53 đường Nguyễn Chí Thanh, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 53 đường Nguyễn Chí Thanh phường An Đông, thành phố Hồ Chí Minh) với mục đích để sản xuất kinh doanh (văn phòng làm việc) từ năm 2009 đến ngày 01/01/2046. Diện tích khu đất thuê là 700,6 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tuy nhiên Công ty đã ủy quyền toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan hiện khu đất này cho Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Thăng Long (Chi tiết Hợp tác kinh doanh với Công ty Thăng Long tại Thuyết minh số 17).
- Số 45 đường Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, Quận 1 (cũ), thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 2.692 m², thời hạn thuê đến ngày 31/12/2045 để sử dụng làm trung tâm thương mại dược phẩm và văn phòng. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Số 18 đường Hoàng Văn Thụ, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (nay là số 18 Hoàng Văn Thụ, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) với diện tích thuê 51.523,99 m², thời hạn thuê đất đến hết ngày 25/12/2055 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng (nay là phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) với diện tích 83.198,9 m² đất chuyên dụng và đất nông nghiệp, thời hạn thuê đất 50 năm kể từ 03/12/1993. Theo hợp đồng này, Công ty phải thanh toán tiền thuê đất hàng năm tính từ ngày 26/03/2010 cho đến ngày đáo hạn theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký các hợp đồng thuê tài sản trên đất tại:

- Thuê mặt bằng nhà, đất tại số 36/212B phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh) để sử dụng với mục đích làm văn phòng và cơ sở sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2027 (05 (năm) năm) theo Hợp đồng cho thuê tài sản, đất tại địa chỉ số 36/212B phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (nay là phường Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh) số 075/HĐ-TT ngày 25/04/2024. Diện tích khu đất thuê là 11.064,4 m². Giá thuê đất được cố định trong suốt thời gian thuê.
- Công ty ký hợp đồng thuê tài sản thuộc sở hữu Nhà nước là Biệt thự số 18 Hoàng Văn Thụ, phường 5, thành phố Đà Lạt (nay là số 18 Hoàng Văn Thụ, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) (với tổng diện tích sử dụng là 642,56 m² từ ngày 10/04/2019 đến ngày 10/04/2069 để sửa chữa, cải tạo sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh. Giá thuê đất được điều chỉnh theo chu kỳ 5 năm một lần theo mức giá do ủy ban Nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm thực hiện mỗi chu kỳ mới.
- Thuê kho tại lô 38 đường 36, Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội của Công ty TNHH DKSH Việt Nam với mục đích thuê để làm văn phòng, lưu trữ, và bảo quản các sản phẩm kinh doanh. Thời hạn thuê từ ngày 15/11/2022 đến hết ngày 14/11/2027 với tổng diện tích thuê là 6.428,16 m² kho và 94,55 m³ kho lạnh. Giá thuê được cố định trong năm đầu tiên của thời gian thuê và được điều chỉnh tăng 6% so với tiền thuê kho của năm trước liền kề.
- Thuê kho tại số 18 L1-2 VSIP II, đường số 3, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore 2, phường Phú Hoà, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH DKSH Việt Nam với mục đích thuê để làm văn phòng, lưu trữ, và bảo quản các sản phẩm kinh doanh. Thời hạn thuê từ ngày 13/12/2019 đến hết ngày 31/12/2025 với tổng diện tích thuê là 6.140,88 m². Giá thuê được điều chỉnh tăng 5% so với tiền thuê kho của năm trước liền kề.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Doanh thu bán hàng hóa	479.755.906.997	535.772.563.291
- Doanh thu hợp đồng hợp tác với Bệnh viện Phổi Trung ương	20.073.698.728	23.998.871.016
- Doanh thu cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư	44.388.484.247	54.123.520.365
	544.218.089.972	613.894.954.672

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.450.304.812	622.629.178
+ Hàng bán bị trả lại	7.450.304.812	622.629.178

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Giá vốn hàng bán hàng hóa đã bán	443.023.050.056	506.387.909.719
- Giá vốn hợp đồng hợp tác với Bệnh viện Phổi Trung ương	23.216.323.409	23.973.064.151
- Giá vốn cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư	24.845.684.316	26.116.584.389
	491.085.057.781	556.477.558.259

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	5.335.274.180	2.806.130.736
- Cổ tức nhận được	172.500.000	402.500.000
- Chênh lệch tỷ giá	16.258.853	8.880.105
	5.524.033.033	3.217.510.841

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí lãi vay	-	2.281.941.510
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.095.733.665	4.105.012.080
	3.095.733.665	6.386.953.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Các khoản chi phí bán hàng	36.015.675.230	37.557.200.119
- Chi phí nhân viên bán hàng	10.764.682.507	12.012.997.832
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	207.530.985	22.136.173
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.709.949.281	192.233.344
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.604.620.070	24.180.552.353
- Các chi phí bằng tiền khác	728.892.387	1.149.280.417
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	10.561.744.881	9.019.763.800
- Chi phí nhân viên quản lý	6.834.891.862	4.937.169.478
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	209.077.135	41.136.167
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.348.733.689	1.274.650.590
- Thuế, phí và lệ phí	1.200.155.568	61.082.334
- Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(2.566.660.193)	(100.000.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.687.812.160	1.228.225.610
- Chi phí khác bằng tiền	1.847.734.660	1.577.499.621
	46.577.420.111	46.576.963.919
Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp với các bên liên quan	984.619.786	1.083.081.764
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>		

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí phạt chậm nộp	76.002.324	66.103.046
- Các khoản khác	218.598.772	3.530.957
	294.601.096	69.634.003

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.131.453.860	195.521.166
- Chi phí nhân công	18.268.218.452	22.036.390.769
- Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	6.168.649.870	9.302.338.632
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.435.777.439	48.569.161.675
- Chi phí bằng tiền khác	19.201.988.408	16.623.033.322
	97.206.088.029	96.726.445.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	1.934.776.164	674.602.029
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	728.630.223	1.245.332.375
	2.663.406.387	1.919.934.404

32. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

32.1. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.924.727.093	5.271.412.072
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	9.924.727.093	5.271.412.072
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.440.268	15.440.268
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	643	341

32.2. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.924.727.093	5.271.412.072
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.924.727.093	5.271.412.072
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.440.268	15.440.268
Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	643	341

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty theo các hoạt động kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo các hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí phân bổ

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản không phân bổ theo bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

Bán hàng hóa	Hợp đồng hợp tác với Bệnh viện Phối Trung ương	Cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư	Cộng
VND	VND	VND	VND
472.305.602.185	20.073.698.728	44.388.484.247	536.767.785.160
472.305.602.185	20.073.698.728	44.388.484.247	536.767.785.160
443.023.050.056	23.216.323.409	24.845.684.316	491.085.057.781
29.282.552.129	(3.142.624.681)	19.542.799.931	45.682.727.379
			46.577.420.111
			(894.692.732)
			5.524.033.033
			3.095.733.665
			10.387.052.514
			294.601.096
			2.663.406.387
			8.962.651.667
			1.133.014.474.432
			707.397.414.564



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập và tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Hội đồng Quản trị	Chức vụ		
- Ông Lê Xuân Tùng	Chủ tịch	846.086.956	720.000.000
- Ông Trịnh Thanh Giảng	Phó chủ tịch	240.000.000	240.000.000
- Bà Trần Mỹ Linh	Thành viên	240.000.000	240.000.000
- Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên	120.000.000	120.000.000
- Ông Lê Trí Dũng	Thành viên	120.000.000	120.000.000
- Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/06/2025)	120.000.000	-
- Ông Nguyễn Phan Trung Kiên	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/06/2025)	3.043.478	-
Ban Tổng Giám đốc		632.140.200	400.000.000
- Bà Trần Mỹ Linh	Tổng Giám đốc	226.080.900	220.000.000
- Bà Đỗ Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc	-	-
- Ông Bé Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc	-	-
- Ông Nguyễn Bảo Anh	Phó Tổng Giám đốc	115.059.300	180.000.000
- Ông Lê Trí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	-
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 07/03/2025)	171.000.000	-
Ban Kiểm soát		150.760.869	180.000.000
- Ông Trần Hùng Cường	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)	87.717.391	-
- Ông Đoàn Đức Giang	Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 24/07/2025)	60.000.000	60.000.000
- Ông Nguyễn Bá Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)	-	90.000.000
- Bà Phạm Thị Thu Thảo	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/06/2024)	-	30.000.000
- Ông Trương Duy Phong	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/06/2025)	1.521.739	-
- Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/06/2025)	1.521.739	-

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Dược phẩm Vimedimex 2	Cổ đông lớn
2	Công ty CP Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex	Bên liên quan với thành viên HĐQT
3	Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	Bên liên quan với thành viên HĐQT
4	Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình	Bên liên quan với thành viên HĐQT
5	Công ty Cổ phần Bất động sản Belleville Hà Nội	Bên liên quan với thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Mua hàng, dịch vụ	984.619.786	1.083.081.764
- Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	984.619.786	1.083.081.764
Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	6.226.043.788	5.051.841.066
- Công ty Cổ phần chứng khoán Hòa Bình	6.226.043.788	5.051.841.066

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng	15.198.735.205	23.869.576.748
- Công ty Cổ phần Bất động sản Belleville Hà Nội	15.191.450.000	15.191.450.000
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex 2	7.285.205	8.678.126.748
Phải thu khác	30.761.238.655	28.261.238.655
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex 2	28.261.238.655	28.261.238.655
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dược phẩm Vimedimex	2.500.000.000	-
Phải trả người bán	584.125.151	675.727.636
- Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	541.540.882	633.143.367
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex 2	42.584.269	42.584.269
Phải trả khác	80.144.718.552	76.807.621.393
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex	88.567.745	88.567.745
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình	6.226.043.788	2.888.946.629
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex 2	73.830.107.019	73.830.107.019

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 10/09/2025, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh đưa ra Thông báo số 1656/QĐ-SGDHCM công bố danh sách bổ sung chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ với mã chứng khoán VMD.

Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 15/2025/BBHĐQT-VMD ngày 20/09/2025 của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex, Hội đồng quản trị Công ty CP Y Dược phẩm Vimedimex (VMD) yêu cầu Ban Tổng Giám đốc làm việc với các đơn vị liên quan để làm rõ việc các cá nhân nguyên là nhân sự của Công ty lợi dụng chức vụ quyền hạn có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản gây tổn thất cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex (VMG) - đơn vị liên quan của Công ty và triển khai các giải pháp hỗ trợ thu hồi tổn thất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex, cụ thể:

- Khoản chuyển tiền của Công ty VMG vòng qua Công ty VMD sau đó rút tiền mặt, chuyển khoản đi số tiền 343.738.865.391 đồng (từ ngày 15/04/2021 đến 30/01/2023) và khoản Công ty VMD phải thu bà Nguyễn Ngọc Dung số tiền 193 tỷ đồng rút tiền mặt trong năm 2022 nhưng chưa hoàn lại (Biên bản họp Hội đồng quản trị số 136/2024/BB-VMG ngày 31/12/2024 của Công ty VMG đã thông qua việc Hội đồng quản trị Công ty VMG sẽ chịu trách nhiệm thu hồi khoản công nợ phải thu khó đòi số tiền 193 tỷ đồng liên quan đến Bà Nguyễn Ngọc Dung thay cho Công ty VMD. Đồng thời, Công ty VMD sẽ không còn nghĩa vụ phải trả khoản công nợ 193 tỷ đồng cho Công ty VMG);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (TIẾP)

- Tổng giá trị tiền cổ tức mã chứng khoán Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (VMD) năm 2021, 2022 trên tài khoản của 03 nhân Nguyễn Ngọc Dung, Trần Thị Đoan Trang, Trần Kiên Cường số tiền 6.512.107.500 đồng phải trả về cho Công ty VMD. Tuy nhiên, 03 cá nhân này đã rút tiền cổ tức mã VMD trên tài khoản cá nhân có dấu hiệu chiếm dụng số tiền 6.512.005.000 đồng kể từ ngày 15/06/2021 đến 09/12/2022, trong đó: Trần Kiên Cường rút số tiền 3.131.192.000 đồng; Nguyễn Ngọc Dung rút số tiền 1.080.062.000 đồng; Trần Thị Đoan Trang rút số tiền 2.300.751.000 đồng.
- Một số cá nhân giữ vị trí lãnh đạo điều hành Công ty VMG và Công ty VMD đã thực hiện điều chuyển dòng tiền vào và dòng tiền ra số tiền 252.353.295.174 đồng và chỉ đạo ông Nguyễn Tiến Mạnh rút tiền 76.978.900.000 đồng dẫn đến tổn thất số tiền 328.400.200.202 đồng của Công ty VMG kể từ ngày 19/04/2021 đến 24/10/2024

Ngày 24/10/2025, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh đưa ra Quyết định số 968/QĐ-SGDHCM về việc đưa cổ phiếu Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (Mã chứng khoán: VMD) vào diện đình chỉ giao dịch kể từ ngày 31/10/2025.

36. CÁC THÔNG TIN KHÁC

TÀI SẢN TIỀM TÀNG - NỢ TIỀM TÀNG TẠI TÒA CITILIGHT 45 VÕ THỊ SÁU

Trong giai đoạn trước cổ phần hóa, Công ty Xuất nhập khẩu Y tế II (tiền thân của Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex) nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân ("Nhà đầu tư") theo hình thức hợp tác kinh doanh để thực hiện xây dựng Tòa nhà trung tâm thương mại dược phẩm và văn phòng tại số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, Quận 1 (cũ), thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa nhà Citilight"). Sau khi tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu hoàn thành và đưa vào sử dụng, Công ty bàn giao phần diện tích cho các Nhà đầu tư theo diện tích ghi trên hợp đồng hợp tác kinh doanh để các Nhà đầu tư khai thác và sử dụng. Theo đó, các Nhà đầu tư thực hiện tự khai thác, sử dụng hoặc ủy quyền cho Công ty khai thác và hàng quý nhận lại khoản tiền thuê văn phòng tương ứng với tiền cho thuê văn phòng sau khi nộp phần phí quản lý và các khoản chi phí thuê đất, thuế nhà đất và bảo hiểm tài sản.

Ngày 16/02/2020, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex họp thảo luận về các nội dung liên quan đến Dự án Tòa nhà Citilight số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, Quận 1 (cũ), thành phố Hồ Chí Minh, theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 03/2020/BB-VMD ngày 16/02/2020, căn cứ báo cáo tài chính năm 2007 đã được kiểm toán, tính đến hết ngày 31/12/2007:

- Tổng giá trị đầu tư vào Tòa nhà Citilight là 96.843.227.279 đồng, trong đó số vốn thực góp của các Nhà đầu tư sau khi Công ty kiểm tra, rà soát là 51.056.056.717 đồng, chiếm tỷ lệ 52,72% tổng giá trị góp vốn xây dựng Tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu.
- Tổng số diện tích tạm bàn giao cho các Nhà đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh là 6.498,2m², tổng diện tích sản hữu dụng nhà đầu tư được hưởng theo giá thực tế đầu tư tòa nhà khi quyết toán công trình là 5.351,24 m²; tương ứng với 52,72% diện tích của Tòa nhà Citilight (10.150 m²). Theo đó, số vốn các Nhà đầu tư góp thiếu so với diện tích đã nhận là 17,65%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Ngày 24/02/2020, Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex đã ban hành văn bản số 1421/2020/CV-VMD về việc thông tin chính thống trên các Cơ quan thông tấn báo chí liên quan đến Tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu. Trong đó nêu rõ: Công ty đã tạm dừng các hoạt động liên quan đến việc thanh toán tiền thuê diện tích thương mại tại Tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu cũng như các hoạt động khác có liên quan phát sinh từ quá trình góp vốn xây dựng Tòa nhà để rà soát lại toàn bộ hoạt động góp vốn, thanh quyết toán tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu, phân chia diện tích, quản lý khai thác tòa nhà Citilight, phân chia lợi nhuận,... Tại ngày 30/06/2025, số dư phải trả các Nhà đầu tư liên quan là 159.093.490.347 VND (tại ngày 01/01/2025 là 139.296.511.929 VND).

Hiện nay, Công ty và các Nhà đầu tư chưa thống nhất được các vấn đề nêu trên. Vì vậy, sự kiện này có thể phát sinh lợi ích kinh tế và/hoặc nghĩa vụ nợ cho Công ty trong tương lai, sau khi Công ty và Nhà đầu tư thống nhất được các vướng mắc trong quá trình góp vốn, phân chia lợi nhuận, quản lý khai thác Tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu theo quy định của pháp luật hiện hành.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025


Trần Thị Thanh Bình
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Dung
Kế toán trưởng


Trần Mỹ Linh
Tổng Giám đốc





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

www.uhy.vn

Kiểm toán | Kế toán | Thuế | Tư vấn | Đào tạo